



PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG ANH LỚP 2

Unit 11 Lesson 3 · Unit 12 Lesson 1 (SGK tr. 50–51)



Tuần 24

Họ và tên:

Lớp:



Bài 1: Look and write (nhìn hình, viết từ)



g apes



ake



ze ra



uice

Bài 2: Vocabulary (từ vựng): điền chữ cái còn thiếu (đọc nghĩa trong ngoặc)

dr ving (đang lái xe)

r ding (đang đạp xe)

t ble (cái bàn)

Bài 3: Match – nối hình với từ



•



•



•



•



•

riding

driving

grapes

cake

sliding

Bài 4: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1. They're driving cars.

•

2. grapes

•

3. cake

•

4. table

•

a. nhỏ

b. bánh ngọt

c. cái bàn

d. Họ đang lái xe ô tô.

Bài 5: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. Bố và chú đang lái ô tô. They're cars.

(A) driving (B) flying (C) doing

2. grapes nghĩa là gì?

(A) bánh ngọt (B) nhỏ (C) cái bàn

3. Từ nào có chữ a đọc giống chữ a trong cake?

(A) van (B) jam (C) table

Bài 6: Copy the words – chép 2 từ

Chép mỗi từ một dòng: sliding riding

Chưa cần viết câu.



ĐÁP ÁN – TIẾNG ANH LỚP 2

Dành cho bố mẹ, thầy cô chấm bài



Tuần 24

Bài 1: Look and write (nhìn hình, viết từ)

 - grapes  - cake  - zebra  - juice

Bài 2: Vocabulary (từ vựng): điền chữ cái còn thiếu (đọc nghĩa trong ngoặc)

driving (đang lái xe) riding (đang đạp xe) table (cái bàn)

Bài 3: Match – nối hình với từ

 - sliding  - riding  - driving  - grapes  - cake

Bài 4: Match (nối): từ hoặc câu tiếng Anh với nghĩa tiếng Việt

1 - d 2 - a 3 - b 4 - c

Bài 5: Circle (khoanh): chọn từ hoặc câu đúng

1. A (driving) 2. B (nho) 3. C (table)

Bài 6: Copy the words – chép 2 từ

sliding riding

onthi.app/phieu-bai-tap – in miễn phí cả 35 tuần, có đáp án

🌟 Ôn Thi · học như chơi, lớp 1–5